

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Đã được kiểm toán của
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG
VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC**

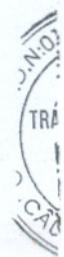
Năm 2015

AVICO - APPROVED

M.S.P.
★

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo Kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN)	14 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước là Công ty Cổ phần được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá từ Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước thuộc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng theo Quyết định số 2441/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 và số 1156/QĐ-BXD ngày 10 tháng 09 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0103020922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 12 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số DN: 0100106578, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 10 năm 2015.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện;
- Thi công các công trình giao thông, bến cảng thủy lợi;
- Thi công bằng phương pháp khoan bắn bê tông;
- Nhận thầu thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, đường dây và trạm biến áp, thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước;
- Xây dựng hoàn thiện và trang trí nội thất công trình, lắp đặt cơ, điện nước, kết cấu xây dựng và thiết bị công nghệ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm);
- Kinh doanh vật tư, phụ tùng thiết bị nâng và thang máy; Mua bán, lắp đặt thiết bị nâng và thang máy;
- Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông; Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế cơ khí;
- Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị các công trình xây dựng;
- Lập dự án đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hệ thống cấp thoát nước, các công trình hạ tầng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 500kV;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh và phát triển nhà;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành điện: Tủ bảng điện trung, hạ thế, trạm biến áp hợp bộ, trạm ki ốt, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, tủ điều khiển và các sản phẩm cơ khí có liên quan đến ngành điện;
- Lắp đặt hệ thống điện điều khiển, lò hơi;

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước
Số 84 - phố Phú Viên - phường Bồ Đề - quận Long Biên - thành phố Hà Nội

- Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Chế tạo thiết bị nâng hạ; Chế tạo và lắp dựng cột anten (viba); Chế tạo, lắp đặt công nghiệp thiết bị áp lực, các thiết bị đường ống dầu, khí, các hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí, chiếu sáng, hệ thống lọc bụi, bồn bể; Chế tạo và thi công lắp đặt hệ thống cầu đường bộ và đường sắt;
- Sửa chữa đóng mới ca nô, xà lan;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông và cơ khí; Sản xuất ống nước và phụ tùng kèm theo;
- Sản xuất thiết bị phụ tùng, máy móc cho ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và công trình đô thị.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 84, phố Phú Viên, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: **11.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Mười một tỷ đồng chẵn), được chia thành 1.100.000 cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND.

Giá trị vốn góp của các thành viên theo đăng ký kinh doanh:

TT	Tên thành viên sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Đơn vị tính: VND	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Số 125D, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	566.940	51,54
2	Cổ phần của các cổ đông còn lại		533.060	48,46
Cộng			1.100.000	100

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Trịnh Nam Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đức Nghị	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Ngô Thế Viên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Bá Đò	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Quang	Ủy viên

Kết quả hoạt động

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là **570.383.109 VND** (Lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là **2.157.321.278 VND**).

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là **47.073.588.700 VND** (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là **46.503.205.591 VND**).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AVICO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Bửu Đô

Số : 48/2016/AVICO-BCTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do có sự hạn chế bởi địa điểm một số công trình đang thi công ở các tỉnh thành khác và một số công trình nằm ngoài lãnh thổ quốc gia, nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hạn chế bởi chưa có phương pháp tin cậy đánh giá giá trị dở dang thực tế của các công trình Công ty đang thi công tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, và có sự giới hạn về thời gian của một cuộc kiểm toán, nên chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính chính xác của các công trình dở dang này. Các số liệu có liên quan được chúng tôi ghi nhận theo báo cáo của Công ty.
- Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả, vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Bằng các thủ tục kiểm toán khác thay thế, chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá tính hiện hữu, chính xác của số dư các khoản Công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Ngoài ra, Công ty chưa trích lập đủ dự phòng công nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ tài chính, ước tính số dự phòng nợ phải thu quá hạn trích lập thiếu là 40.789.853.154 VND;

- Báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty vẫn hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tài sản ngắn hạn nhỏ hơn Nợ ngắn hạn với số tiền 46.914.001.854 VND và Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 35.873.588.700 VND. Việc tiếp tục hoạt động của Công ty hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của các Chủ sở hữu vốn.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.15 và thuyết minh số VI.7 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Đăng ký hành nghề số: 2501-2014-215-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AVICO

Đinh Văn Quân
Kiểm toán viên
Đăng ký hành nghề số: 3416-2015-215-1

AVICO
★

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.388.880.296	91.865.223.425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.789.837.322	2.287.238.371
1. Tiền	111	V.01	1.789.837.322	2.287.238.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.146.810.032	70.765.530.249
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	41.622.196.667	48.735.621.745
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.596.725.690	2.685.120.323
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		23.338.108.886	23.327.305.466
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	7.714.656.864	7.175.454.171
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.664.363.717)	(12.697.457.098)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	1.539.485.642	1.539.485.642
IV. Hàng tồn kho	140		16.452.232.942	18.540.633.319
1. Hàng tồn kho	141	V.07	16.452.232.942	18.540.633.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	271.821.486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	271.821.486
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.14	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.907.013.163	17.046.424.994
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
II. Tài sản cố định	220		13.094.330.929	15.590.413.039
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	13.094.330.929	15.590.413.039
- Nguyên giá	222		40.521.666.632	41.403.197.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.427.335.703)	(25.812.784.459)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	104.454.587	104.454.587
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		104.454.587	104.454.587
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		708.227.647	1.351.557.368
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	708.227.647	1.351.557.368
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.24	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.295.893.459	108.911.648.419

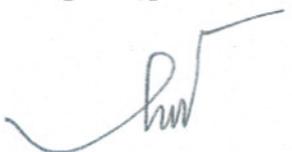
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

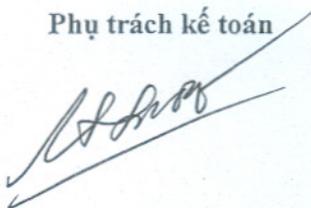
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		132.169.482.159	144.214.854.010
I. Nợ ngắn hạn	310		129.302.882.150	140.982.581.277
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	21.597.102.073	24.892.918.958
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.203.620.146	3.747.593.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	26.614.250.844	24.370.484.891
4. Phải trả người lao động	314		843.497.115	4.134.428.747
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	15.039.516.363	14.211.728.104
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		39.572.532.753	37.155.361.409
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1.593.223.737	7.268.044.094
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	21.828.170.454	25.171.153.062
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10.968.665	30.868.665
13. Quỹ bình ôn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.866.600.009	3.232.272.733
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.16	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	2.520.000.009	2.667.272.733
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	346.600.000	565.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(35.873.588.700)	(35.303.205.591)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	(35.873.588.700)	(35.303.205.591)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.26	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		200.000.000	200.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(47.073.588.700)	(46.503.205.591)
<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(46.503.205.591)</i>	<i>(48.660.526.869)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(570.383.109)</i>	<i>2.157.321.278</i>
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.28	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.295.893.459	108.911.648.419

Người lập biểu


Li T. Ngoc

Phụ trách kế toán



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Bá Dờ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

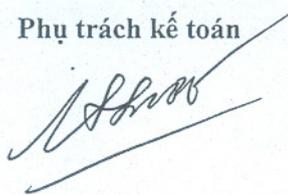
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72.726.639.615	118.239.405.566
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	666.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		72.060.639.615	118.239.405.566
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	66.285.171.944	106.827.009.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		5.775.467.671	11.412.395.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.141.320	3.875.204
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	236.093.665	617.343.814
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		236.093.665	617.343.814
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	8.740.558.393	7.071.380.609
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.195.043.067)	3.727.546.591
11. Thu nhập khác	31	VI.6	4.319.241.882	759.427.943
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.694.581.924	2.329.653.256
13. Lợi nhuận khác	40		2.624.659.958	(1.570.225.313)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(570.383.109)	2.157.321.278
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(570.383.109)	2.157.321.278
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	1.961

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu


Lữ T. Ngọc

Phụ trách kế toán





TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Bá Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

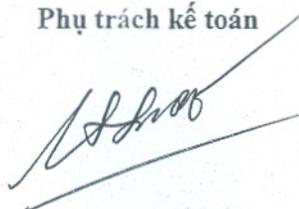
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		78.481.558.710	95.924.341.571
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(51.411.367.362)	(77.211.246.976)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.960.300.809)	(22.782.529.459)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(211.051.542)	(109.617.263)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.773.222)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.557.936.001	13.080.461.586
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.095.343.462)	(9.188.551.542)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		3.356.658.314	(287.142.083)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(407.908.984)	(1.923.905.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		109.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.782.354	3.875.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(293.035.721)	(1.920.030.626)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		180.000.000	10.078.945.508
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.741.382.608)	(7.899.682.900)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.561.382.608)	2.179.262.608

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(497.760.015)	(27.910.101)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.287.238.371	2.315.148.472
Ảnh hưởng của thay đổi TGHE quy đổi ngoại tệ	61		358.966	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	1.789.837.322	2.287.238.371

Người lập biểu


Ngô Thị Ngọc

Phụ trách kế toán



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Bá Dỗ